

Bản án số: 51/2020/DS-PT

Ngày: 16-12-2020

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân
Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Mỹ Thảo – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/TBTL-VA ngày 09/10/2020, về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Công L, sinh năm 1954; địa chỉ: xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Lý Công C, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Lý Công C chết ngày 09/11/2020;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lý Công C:

- Bà Nguyễn Thị Kim L
- Chị Lý Nguyễn Diễm L
- Anh Lý Nguyễn P L

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim L: Ông Nguyễn Chí K, sinh năm 1981; địa chỉ thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Công C (Giấy ủy quyền ngày 07/9/2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Q; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh K - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q (Quyết định ủy quyền số 6464/QĐ-UBND ngày 02/10/2019).

2. Ông Lý Công T, sinh năm 1964 và bà Trịnh Thị P, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người giám hộ cho ông Lý Công T: Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1966 là vợ ông Lý Công T (Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2019/QĐST-VDS ngày 31/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị P: Ông Lý Công L, sinh năm 1954, địa chỉ xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy ủy quyền ngày 30/8/2019).

3. Anh Lý Việt C, sinh năm 1990; địa chỉ: xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lý Việt C: Ông Lý Công L, sinh năm 1954, địa chỉ xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy ủy quyền ngày 28/12/2018).

4. Chị Lý Nguyễn Diễm L, sinh năm 1984; địa chỉ: xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Anh Lý Nguyễn P L, sinh năm 1986; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn ông Lý Công L và ông Võ Văn Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Lý Công A chết (năm 2014) và cụ Trương Thị M (chết năm 2016) sinh được 04 người con gồm Lý Công L, ông Lý Công T, ông Lý Công C và ông Lý Công T (chết ngày 31/8/2005); ông Lý Công T có vợ là bà Bùi Thị G, sinh năm 1972, bà G bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 1997 cho đến nay không biết ở đâu, ông T, bà G có 02 con trai là Lý Việt C và Lý Quốc C (chết năm 2015). Ngoài ra, cha mẹ ông không có con riêng hay con nuôi nào khác. Cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M khi còn sống có để lại khối tài sản sau đây:

Thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã Tịnh Ấn Tây, huyện S (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi có diện tích là 1760m² (trong đó có 500m² vợ chồng ông C, bà L nhận chuyển nhượng của ông Lý Công T) do Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý Công C ngày 24/9/2012 có nguồn gốc của bà ngoại là Dương Thị Doãn để lại cho cha mẹ ông. Năm 1982, cha mẹ ông cho vợ chồng ông Lý Công C và bà Nguyễn Thị Kim L làm nhà ở tạm trên đất chứ không cho đất. Sau đó vợ chồng ông C, bà L tự ý đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg tại thửa đất số 464, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.241m². Năm 1991, vợ chồng ông C, bà L mua của ông Lý Công T diện tích đất 500m² và năm 1999 kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện S (nay là thành phố Q) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Lý Công C thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.760m². Năm 2012, ông Lý Công C xin cấp đổi giấy chứng nhận và được Ủy ban nhân dân huyện S cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 542, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.760m²; qua đo đạc thực tế thì thửa đất số thửa đất 542, tờ bản đồ số 9, xã T có diện tích 2.059,5m². Việc ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý Công C là trái quy định của pháp luật, khi còn sống cha mẹ ông đã có đơn khiếu nại, khởi kiện ông C, bà L để đòi lại diện tích 1.559,5m² đất này. Tòa án nhân dân thành phố Q đang giải quyết thì cụ A và cụ M chết nên vụ án bị đình chỉ giải quyết.

Thửa đất số 589, tờ bản đồ số 09, diện tích 148,6m², xã T, thành phố Q, qua đo đạc thực tế có diện tích 238,4m² được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Lý Công A vào ngày 08/12/2009. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 100m² do cụ A và cụ M xây dựng vào năm 1967, sau khi cụ A và cụ M chết, hiện nay ngôi nhà trên dùng để làm nhà thờ do ông trông coi, quản lý.

Thửa đất số 419, diện tích 488m² và thửa đất số 1051, diện tích 400m² cùng tờ bản đồ số 7, xã T, thành phố Q do ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý Công A vào ngày 11/11/1996 loại đất màu, đất cấp theo Nghị định 64/CP. Qua đo đạc thực tế thì thửa đất số 419, tờ bản đồ số 7 có diện tích 506,7m² và thửa đất số 1051 tờ bản đồ số 7 có diện tích 421,4m², hiện nay hai thửa đất màu này do ông L quản lý, sử dụng.

Cụ Lý Công A chết không để lại di chúc nên ông yêu cầu chia đôi tổng số tài sản là 04 thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ A là cụ Trương Thị M, ông Lý Công L, ông Lý Công C, ông Lý Công T và anh Lý Việt C. Cụ Trương Thị M chết có để lại di chúc ngày 26/9/2016 được công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh theo số công chứng 2491, quyển số 01/TP/CC-SCC/DC. Nội dung di chúc thể hiện sau khi cụ M chết để lại một nửa số tài sản nêu trên là 04 thửa đất trong khối tài sản chung của

vợ chồng với cụ A cho ông Lý Công L được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt khối tài sản là di sản của cụ Trương Thị M Chết để lại nên ông L yêu cầu chia di sản của cụ Trương Thị M theo di chúc số 2491 ngày 26/9/2016c cụ thể:

Ông Lý Công L yêu cầu Tòa án công nhận 1.559,5m² đất thuộc thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9, xã T, thành phố Q (sau khi trừ đi 500m² đất của ông Lý Công C mua của ông Lý Công T) là di sản thừa kế của cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M. Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Lý Công A tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9, xã T cho các đồng thừa kế là cụ Trương Thị Mầu, ông Lý Công L, ông Lý Công C, ông Lý Công T và anh Lý Việt C. Một nửa di sản của cụ M cùng với phần di sản cụ M được thừa kế từ cụ A chia theo di chúc cho ông L. Ông L được chia 1/10 kỷ phần M theo di chúc là 6/10 kỷ phần. Tổng số kỷ phần ông L được chia 1.091,65m² tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9, xã Tịnh Án Tây, thành phố Q là 7/10 tương đương với 1.091,65m² đất, có giới cận phía Đông giáp đất ông Trương Châu L, phía Tây giáp đất ông Lương Thế C, phía Nam giáp đất ông Phạm Văn T và Hồ Bá N, phía Bắc giáp đất bà Hồ Thị Q. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 642706, số vào sổ cấp giấy chứng nhận “CH” 01435 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 24/9/2012 cho hộ ông Lý Công C tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9 xã T, thành phố Q.

Đối với thửa đất số 589, tờ bản đồ số 09; thửa đất số 419, và thửa đất số 1051 cùng tờ bản đồ số 07 ông L yêu cầu chia theo pháp luật một nửa di sản của cụ A cho các đồng thừa kế là cụ Trương Thị M, ông Lý Công L, ông Lý Công C, ông Lý Công T và anh Lý Việt C. Một nửa di sản của cụ M cùng với phần di sản cụ M được thừa kế từ cụ A chia theo di chúc cho ông L. ông L được chia 1/10 kỷ phần thừa kế của cụ A theo pháp luật và được chia toàn bộ phần di sản thừa kế của cụ M theo di chúc là 6/10 kỷ phần. Tổng cộng, ông L được nhận 7/10 di sản thừa kế của cụ A và cụ M tại các thửa đất số 589, 419, 1051 nêu trên; ông L yêu cầu được nhận bằng hiện vật và trả lại 3/10 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho các đồng thừa kế theo giá trị do chứng thư đã thẩm định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Công C là ông Nguyễn Chí Khoa thông nhất trình bày:

Thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9 xã T, thành phố Q có nguồn gốc của bà ngoại là cụ Dương Thị D (mẹ ruột cụ Trương Thị M) cho ông Lý Công C sau khi ông C lập gia đình với bà Nguyễn Thị Kim L vào năm 1982. Sau khi được cho đất vợ chồng ông C phát dọn thửa đất làm một ngôi nhà tranh vách đất khoảng hơn 50m² để có chỗ ở ổn định vì lúc này nhà cha mẹ đông con, chỗ ở chật chội. Năm 1984, thực hiện chính sách đăng ký kê khai ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg ông Lý Công C kê khai tại thửa đất số 464, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.241m² loại đất thổ cư. Năm 1991, ông Lý Công T được cha mẹ chia cho diện tích đất qua đo đạc thực

tế là 556m² mặt tiền đường nội bộ, sau lưng giáp thửa đất số 464, tờ bản đồ số 11, vì không có nhu cầu ở nên ông Lý Công T bán lại cho vợ chồng ông C; sau khi mua đất vợ chồng ông C dỡ dọn nhà cũ và làm lại nhà mới trên phần diện tích đất mua của ông T và sinh sống cho đến nay. Thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, vợ chồng ông C kê khai thuộc thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.760m² và đến ngày 26/8/1999, ủy ban nhân dân huyện S (nay là thành phố Quảng Ngãi) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Lý Công C tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.760m² (trong đó có 200m² đất ở, 1.560m² đất vườn), diện tích đo đạc thực tế là 2.059,5m². Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, hộ gia đình ông C gồm có 4 nhân khẩu gồm Lý Công C, Nguyễn Thị Kim L và hai con Lý Nguyễn Diễm L, Lý Nguyễn P L.

Ngày 24/9/2012, ủy ban nhân dân huyện S cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 642706, số vào sổ cấp GCN: “CH” 01435 ngày 24/9/2012 cho hộ ông Lý Công C tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9 xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Q. Như vậy, vợ chồng ông C đã quản lý, sử dụng thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9 ổn định từ năm 1982 và đã đăng ký, kê khai qua các thời kỳ và được Nhà nước cân đối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó việc ông Lý Công L cho rằng thửa đất số 542 là của cha mẹ để lại là không đúng. Nay, nguyên đơn ông Lý Công L yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất 542, tờ bản đồ số 9 vì cho rằng thửa đất này của cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M là không có cơ sở. Bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Công L; ông C, bà L khẳng định thửa đất số 542 không phải là di sản thừa kế. Trường hợp Tòa án xác định thửa đất trên là di sản và chia di sản theo pháp luật, vợ chồng ông, bà đồng ý nhận phần đất nếu được chia thừa kế.

Đối với Thửa đất số 589, diện tích 148,6m², tờ bản đồ số 9 xã Tịnh Ấn Tây, huyện S (nay là thành phố Q) do Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ ông Lý Công A vào ngày 08/12/2009 và hai thửa đất SỐ' 419, diện tích 488m², thửa 1051, diện tích 400m² (Loại đất màu,) cùng tờ bản đồ số 7 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Lý Công A vào ngày 11/11/1996. Nay, nguyên đơn ông Lý Công L yêu cầu chia thừa kế 3 thửa đất này theo di chúc và theo pháp luật, phần di sản Lý Công C được nhận ông yêu cầu được nhận bằng giá trị, ông đồng ý giao các thửa đất này cho nguyên đơn quản lý, sử dụng và nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho ông theo giá mà cơ quan thẩm định giá đã thẩm định.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trịnh Thị P, Lý Việt C là ông Lý Công L trình bày:

Thông nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9, bà P và anh Lý Việt C yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật và theo di chúc di sản của cụ Lý Công A, cụ Trương Thị M là thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9 (sau khi trừ đi 500m² nằm chung trong thửa đất 542 của ông C, bà L mua của ông Lý Công T) cho các đồng thừa kế là Lý Công L, Lý Công C, Lý Công T và Lý Công T và Lý Việt C nhận; ông T, bà P và anh C yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

Đối với thửa đất số 589, tờ bản đồ số 09 xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Q và các thửa đất nông nghiệp số 419, thửa 1051, (Loại đất màu,) cùng tờ bản đồ số 7 đều do Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Lý Công A; bà P, anh C thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý giao toàn bộ các thửa đất 589, 419, 1051 cho nguyên đơn quản lý, sử dụng và nguyên đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông T, bà P và anh C theo giá đã thẩm định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Q, đại diện là ông Nguyễn Anh Kiệt trình bày:

Ngày 26/8/1999, Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý Công C số 02583/QSDD/564/QĐ-UB đối với thửa đất số 542, Tờ bản đồ số 09, diện tích 1760m² (200m² đất ONT và 1560m² đất HNK) xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Q. Ngày 17/9/2012, hộ ông Lý Công C đề nghị nâng hạn mức đất ở từ đất HNK sang đất ONT là 1041m² và được ủy ban nhân dân huyện S cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BK 642706, số vào sổ CH 01435, thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, diện tích 1760m² (200m² đất ONT và 1560m² đất HNK) xã T, thành phố Q. Tại thời điểm ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý Công C thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.760m² (200m² đất ONT và 1560m² đất HNK) xã T, thành phố Q không phát sinh tranh chấp, phù hợp với quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Công L trình bày:

Thửa đất 542, tờ bản đồ số 09, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Q việc kê khai theo Chỉ thị 299/TTg và Nghị định 64/CP của vợ chồng Lý Công C và Nguyễn Thị Kim L là không đúng sự thật, không có xác nhận của các chủ đất liền kề, hơn nữa nguồn gốc thửa đất này là của cha mẹ cụ M để lại cho vợ chồng cụ M và cụ A. Đất của cha mẹ mà ông C, bà L tự ý kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình là việc làm sai trái, không có ý kiến của cụ A và cụ M. Theo trả lời của ủy ban nhân dân thành phố Q thì không có hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông C và bà L năm 1999. Ủy ban nhân dân xã T xác nhận không có tranh chấp trong khi cụ A và cụ M tranh chấp từ năm 2006 nên việc xác nhận này không đúng; giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông C thừa nhận có viết nhưng cụ M xác định vợ chồng cụ không viết, không ký nên việc cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Công C là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi, ích hợp pháp của ông Lý Công T và anh Lý Việt C trình bày:

Các đồng thừa kế đều xác định các thửa đất số 589, 419, 1051 xã Tịnh Ấn Tây là di sản của cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M, ông Lý Công T và ông Lý Việt C yêu cầu được nhận 1/10 giá trị quyền sử dụng đất tại các thửa đất 589, 419, 1051. Đối với thửa đất số 542 đề nghị Hội đồng xét xử công nhận 1.559m² đất thuộc sở hữu của cụ A và cụ M lý do: kỵ Trương Mùi chết 1975, kỵ Dương Thị Doãn chết 1982 nên không có việc kỵ Doãn cho đất ông C, nếu có cho đất thì kỵ Doãn chỉ được quyền định đoạt 1/2 thửa đất, còn thửa đất của kỵ Mùi có phần thừa kế của cụ M. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C năm 1999, theo trả lời của Ủy ban nhân dân thành phố Q không có hồ sơ nên quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định pháp luật, có sai sót nghiêm trọng về việc xác minh đất có tranh chấp nhưng lại được xác nhận là đất không có tranh chấp để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho phép nâng hạn mức đất ở là trái với quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003 nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Công L. Chia di sản thừa kế cho Lý Việt C thừa kế thế vị và Lý Công T phần di sản thừa kế của ông Lý Công A chết để lại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 92, khoản 1, khoản 2 Điều 147, Điều 157, 165, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 196, 197 Bộ luật Dân sự 1995; khoản 1 Điều 611, Điều 612, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 635, 643, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2 và Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013; Án lệ số 03/2016/AL; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Lý Công L, ông Lý Công T, anh Lý Việt C đối với 1.166,5m² đất tại các thửa đất số 589, tờ bản đồ số 09, diện tích 238,4m²; thửa đất số 419, tờ bản đồ số 7, diện tích 506,7m² và thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 7, diện tích 421,4m² tại xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản là ngôi nhà cap IVC xây dựng trên thửa đất số 589, tờ bản đồ số 09, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Q là di sản của cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M.

Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lý Công L, ông Lý Công T, anh Lý Việt C đối với diện tích 1.559m² đất (sau khi trừ đi 500m² nằm chung trong thửa đất 542 của ông C, bà L mua của ông Lý Công T) tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, xã T Ấn Tây, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Không có căn cứ để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 642706, sổ vào sổ cấp GCN: “CH” 01435 do ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 24/9/2012 cho hộ ông Lý Công C tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9 xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Q.

Tuyên xử:

Xác định những người thừa kế di sản của cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M gồm có ông Lý Công L, ông Lý Công C, ông Lý Công T và anh Lý Việt C.

Xác định di chúc của Cụ Trương Thị M lập ngày 26/9/2016 được công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh theo sổ công chứng 2491, quyền số 01/TP/CC-SCC/DC có hiệu lực pháp luật đối với các thửa đất số 589, tờ bản đồ số 09; thửa đất số 419 và thửa đất số 1051 cùng tờ bản đồ số 7, xã T, thành phố Q.

Xác định di sản thừa kế của cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M là 1.166,5 m² đất tại các thửa đất số 589, tờ bản đồ số 09; thửa đất số 419 và thửa đất số 1051 cùng tờ bản đồ số 7, xã T, thành phố Q trong đó có 100m² đất ở và 1.066,5m² đất trồng cây hàng năm khác.

Chia di sản của cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M là 1.166,5 m² đất tại các thửa đất số 589, tờ bản đồ số 09; thửa đất số 419 và thửa đất số 1051 cùng tờ bản đồ số 7, xã T, thành phố Q. Trong đó, phần di sản của cụ A là 583,25m², cụ A chết không để lại di chúc nên được chia theo pháp luật thành 5 kỷ phần cho các đồng thừa kế của cụ A là cụ Trương Thị M, ông Lý Công L, ông Lý Công C, ông Lý Công T và anh Lý Việt C mỗi kỷ phần được nhận là 116,65m². Phần di sản của cụ M có diện tích là 699,9m² (583,25m² 4T 16,65m² nhận thừa kế từ cụ A), cụ M chết có để lại di chúc cho ông Lý Công L nên phần di sản của cụ M có diện tích là 699,9m² chia cho L. Tài sản trên thửa đất số 589, tờ bản đồ số 09, xã T của cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M để lại là nhà cấp IV có giá là 107.897.000 đồng. Trong đó, phần di sản của cụ A có giá trị là 53.948.500 đồng chia 5 kỷ phần cho các đồng thừa kế của cụ A là cụ Trương Thị M, ông Lý Công L, ông Lý Công C, ông Lý Công T và anh Lý Việt C mỗi kỷ phần được nhận là 10.789.700 đồng. Phần di sản của cụ M có giá trị là 64.738.200 đồng (53.948.500 đồng + 10.789.700 đồng nhận thừa kế từ cụ A) chia cho ông Lý Công L.

Di sản của cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M được chia cho các đồng thừa kế của cụ A và cụ M cụ thể như sau:

Phần di sản của ông Lý Công C được chia 116,65m² đất trồng cây hàng năm khác có giá là 25.663.000 đồng (116,65m² x 220.000 đồng/m²) và 10.789.700 đồng giá trị tài sản trên đất;

Phần di sản của ông Lý Công T được chia 116,65m² đất trồng cây hàng năm khác có giá là 25.663.000 đồng (116,65m² x 220.000 đồng/m²) và 10.789.700 đồng giá trị tài sản trên đất; Phần di sản của anh Lý Việt C được chia 116,65m² đất trồng cây hàng năm khác có giá là 25.663.000 đồng (116,65m² x 220.000 đồng/m²) và 10.789.700 đồng giá trị tài sản trên đất.

Phần di sản của ông Lý Công L được chia là 816,55m² đất, trong đó có 100m² đất ở và 716,55m² đất trồng cây hàng năm khác tại các thửa đất số 589, tờ bản đồ số 19, diện tích 238,4m²; thửa đất số 419, tờ bản đồ số 7, diện tích 506,7m² và thửa đất số 1051 tờ bản đồ số 7, diện tích 421,4m² xã T, thành phố Quảng Ngãi và giá trị tài sản là 75.527.900 đồng.

Giao cho Ông Lý Công L được nhận toàn bộ các thửa đất số 589, tờ bản đồ số 19, diện tích 238,4m²; thửa đất số 419, tờ bản đồ số 7, diện tích 506,7m² và thửa đất số 1051 tờ bản đồ số 7, diện tích 421,4m² xã T, thành phố Quảng Ngãi. Ông Lý Công L phải thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản cho ông Lý Công C là 36.452.700 đồng, thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản cho ông Lý Công T là 36.452.700 đồng và thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản cho anh Lý Việt C là 36.452.700 đồng.

Ông Lý Công L được quyền được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia, nhận theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2020 nguyên đơn ông Lý Công L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Công T, Lý Việt C kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu công nhận thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09 là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M chết để lại và yêu cầu chia thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo là ông Lý Công L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Công T, Lý Việt C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Thửa đất số 542 có nguồn gốc của ông bà ngoại, năm 1982 vợ chồng bị đơn làm nhà, sinh sống tại thửa đất này. Quá trình sử dụng đất, bị đơn có kê khai theo

Chỉ thị 299/TTg và Nghị định 64/CP, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1999, cấp đổi vào năm 2012, diện tích $1.760m^2$ (trong đó có $500m^2$ nhận chuyển nhượng của ông T). Việc kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn là công khai, nguyên đơn cho rằng cụ A, cụ M không biết việc bị đơn kê khai là không đúng. Như vậy, có căn cứ xác định cụ A, cụ M đã cho vợ chồng bị đơn thừa đất số 542, bị đơn đã làm nhà ở, kê khai đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cụ A, cụ M không phản đối. Do đó, theo Án lệ số 03 phải xác định cụ A, cụ M đã cho vợ chồng bị đơn thừa đất số 542. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Người kháng cáo là ông Lý Công L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Công T, Lý Việt C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Thừa đất số 542, tờ bản đồ số 09, xã T, thành phố Q có nguồn gốc do bà ngoại của nguyên đơn và bị đơn là kỵ Dương Thị Doãn để lại. Sau khi kỵ Doãn mất năm 1981, vợ chồng cụ Lý Công A và cụ Trương Thị M quản lý thừa đất.

[3] Tại Bản trình bày ngày 14/12/2012 (bút lục 67, 68, 69), ông C và bà L trình bày: *“năm 1982 chúng tôi lập gia đình, cha mẹ cho vợ chồng tôi ở riêng, cha mẹ giao cho vợ chồng tôi thừa đất có diện tích $1.250m^2$ cha mẹ giao cho chúng tôi trọn quyền sử dụng và canh tác thửa đất nói trên và chúng tôi làm nhà ở trên đất”*.

[4] Về quá trình sử dụng đất: ông Lý Công C và bà Nguyễn Thị Kim L làm nhà ở trên đất từ năm 1982. Năm 1984, thực hiện chính sách đăng ký kê khai ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg ông Lý Công C kê khai tại thửa đất số 464, tờ bản đồ số 11, diện tích $1.241m^2$ loại đất thổ cư. Năm 1991, ông C, bà L nhận chuyển nhượng của ông Lý Công T $500m^2$, qua đo đạc thực tế hiện nay là $556m^2$ có vị trí mặt tiền đường nội bộ giáp với thửa đất số 464, tờ bản đồ số 11, xã T; vợ chồng ông C nhập phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông T vào thửa đất số 464, tờ bản đồ số 11 và phá dỡ nhà cũ, xây nhà ở mới trên phần diện tích đất này. Thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, ông C kê khai thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9, diện tích $1.760m^2$ bao gồm cả phần diện tích $556m^2$ nhận chuyển nhượng của ông T. Ngày 26/8/1999, Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Lý Công C thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9, diện tích $1.760m^2$ (trong đó $200m^2$ đất ở, $1.560m^2$ đất vườn). Trên cơ sở đơn đề nghị cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lý Công C và bà Nguyễn Thị Kim L, ngày 24/9/2012 Ủy ban nhân huyện S cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 542, tờ bản đồ số 9, diện tích $1.760m^2$ cho hộ ông Lý Công C.

[5] Tại thời điểm thực hiện chủ trương đăng ký kê khai đất theo Chỉ thị 299/TTg và Nghị định 64/CP, cụ A và cụ M biết và đã kê khai đối với các thửa đất 589, 419 và 1051; đối với thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09 cụ A không kê khai mà do ông C kê khai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lý Công C. Từ năm 1982 cho đến năm 2012, cụ A và cụ M không khiếu nại việc vợ chồng ông C, bà L kê khai đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc phản đối việc ông C, bà L xây nhà ở kiên cố trên thửa đất. Vợ chồng ông C, bà L quản lý, sử dụng thửa đất số 542 từ năm 1982, đã đăng ký, kê khai đất đai qua các thời kỳ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Như vậy, có thể xác định thửa đất số 464, tờ bản đồ số 11 (nay là thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, xã T) của họ Doãn để lại cho cụ A và cụ M, hai cụ đã cho ông C, bà L quản lý sử dụng từ năm 1982. Việc nguyên đơn cho rằng ông C, bà L gian dối trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tự ý đăng ký, kê khai đất của cha mẹ theo Chỉ thị 299/TTg và Nghị định 64/CP là không có căn cứ.

[7] Án lệ số 03/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có nội dung: *“Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi vợ chồng người con xây dựng nhà thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì; vợ chồng người con đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định và đã tiến hành kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất”*.

[8] Trong trường hợp này, các tình tiết nêu trên của vụ án tương tự với các tình tiết nêu trong Án lệ số 03/2016/AL. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03/2016/AL xác định vợ chồng cụ A, cụ M đã cho vợ chồng ông C, bà L thửa đất số 542 và không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Các đương sự không có kháng cáo đối với thửa đất số 419, diện tích 506,7m²; thửa đất số 1051, diện tích 421,4m² và thửa đất số 589, diện tích 238,4m² nên không xét.

[10] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lý Công L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Công T, Lý Việt C yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 542; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Các ông Lý Công L, ông Lý Công T, Lý Việt C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; ông Lý Công L được miễn do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lý Công L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Công T, ông Lý Việt C;

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lý Công L được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Lý Công T, ông Lý Việt C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, mỗi người 300.000đ, đã nộp tại các biên lai số AA/2018/0006006 và biên lai số AA/2018/0006007 cùng ngày 16/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự